

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỦ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: CÔNG TY TNHH XE MÁY BẢO MINH
- 1.2. Địa chỉ: Số 76, Đường TK2, Khu dân cư Hoàng Hải, Ấp Tiên Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác~~⁽⁺⁾:
- 1.4. Nhân hiệu: SUZUKI
- 1.5. Tên thương mại: SATRIA F150
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): FU150MF
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 18KXM/287024
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 2442/NETC-KT-MC/18, Ngày 26/07/2018

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 109 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 239 (kg)
- 2.3. Động cơ
- 2.3.1. Kiểu động cơ: CGA1 Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
- 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 147 cm³.
- 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 13,6/10.000 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí/ phun nhiên liệu/khác~~⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
- 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾
- 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6
- 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,923/1,933/1,476/1,217/1,045/0,925
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,714
- 2.7. Lớp
- 2.7.1. Kỳ hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90-17 áp suất lốp: 225 kPa
- 2.7.2. Kỳ hiệu cỡ lốp trực 2: 80/90-17 áp suất lốp: 280 kPa



- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: / km/h
- 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu
- 3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013 (1)
- 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,836 l/100 km
- 4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2020.
Công ty TNHH XE MÁY BAO MINH



Nguyễn Văn Hùng
GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm

